

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2018

Ngày 20/11/2018, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã thông qua Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH₁₄ (Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019, thay thế Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH₁₁ được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2007/QH₁₂ và Luật số 27/2012/QH₁₃ (Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005), dưới đây là những nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2018

Sau hơn 10 năm thi hành, Luật PCTN năm 2005 đã từng bước tạo ra môi trường thể chế ngày càng công khai, minh bạch; tăng cường sự tham gia của người dân vào công tác PCTN; cơ chế kiểm soát cán bộ, công chức, viên chức và chế độ công vụ ngày càng được cải thiện; việc xử lý người có hành vi tham nhũng và tài sản tham nhũng được chú trọng và nâng cao hiệu quả; bộ máy cơ quan PCTN bước đầu được củng cố, kiện toàn; công tác PCTN đạt được nhiều kết quả tích cực, quan trọng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giúp cải thiện môi trường kinh doanh và đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, kết quả tổng kết 10 thực hiện Luật PCTN năm 2005 cho thấy còn tồn tại những vướng mắc, bất cập như sau:

- *Thứ nhất*, quy định về công khai, minh bạch còn chưa mang tính bao quát và thiếu các biện pháp bảo đảm thực hiện.

- *Thứ hai*, quy định về trách nhiệm giải trình chưa phù hợp, còn hẹp (chỉ áp dụng đối với quyết định, hành vi có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức) dẫn đến khó thực hiện trên thực tế.

- *Thứ ba*, chưa quy định một cách đầy đủ, toàn diện về các biện pháp kiểm soát xung đột lợi ích đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ làm giảm hiệu quả phòng ngừa và phát hiện tham nhũng.

- *Thứ tư*, các quy định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình còn chưa cụ thể, không khuyến khích được tính chủ động của người đứng đầu trong phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng.

- *Thứ năm*, các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập chưa giúp kiểm soát được biến động về tài sản, thu nhập; việc xử lý người kê khai không trung thực hoặc không giải trình được một cách hợp lý về biến động tài sản, thu nhập còn chưa hiệu quả.

- *Thứ sáu*, các quy định về cơ chế phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động kiểm tra, kiểm toán nhà nước, thanh tra nhà nước và giám sát chưa phù

hợp, chưa phát huy được vai trò, chức năng của mỗi cơ quan.

- *Thứ bảy*, các quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo còn chưa đầy đủ, chưa phát huy được sự tham gia của người dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng.

- *Thứ tám*, chưa xác định rõ vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa Luật PCTN và các văn bản pháp luật khác dẫn đến cách hiểu và vận dụng chưa thống nhất, thiếu biện pháp xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Luật PCTN.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên; tiếp tục thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về PCTN¹; từng bước mở rộng hoạt động PCTN ra khu vực ngoài nhà nước; kiểm soát có hiệu quả về tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu; đảm bảo tính đồng bộ với quy định liên quan đến PCTN trong các đạo luật² được Quốc hội thông qua và nâng cao mức độ tuân thủ Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng³, việc ban hành Luật PCTN năm 2018 là rất cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG NĂM 2018

Luật PCTN năm 2018 được xây dựng trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau:

1. Thể chế hóa kịp thời các chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác PCTN, đặc biệt là Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí.

2. Tiếp tục xác định nhiệm vụ trọng tâm của Luật PCTN năm 2018 là xây dựng một cơ chế phòng ngừa tham nhũng toàn diện và sâu rộng, qua đó góp phần xây dựng một cơ chế quản lý nhà nước, quản lý xã hội công khai, minh bạch để “không thể tham nhũng”; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng để “không dám tham nhũng”.

3. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Luật PCTN năm 2018 với Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật khác có liên quan, bảo đảm

¹ Kết luận Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X; Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; Thông báo số 116-TB/BCĐTW ngày 14/5/2015 của Ban Chỉ đạo TW về PCTN, tại phiên họp thứ 7 của Ban, Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo đã kết luận cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật PCTN năm 2005 để đáp ứng sát hơn các yêu cầu PCTN, hạn chế tình trạng tham nhũng vặt...

² Trong thời gian qua, Quốc hội đã thông qua nhiều đạo luật quan trọng có liên quan đến PCTN như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự...

³ Kết quả đánh giá thực thi Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng cho thấy, Việt Nam cần có những giải pháp đổi mới toàn diện về công tác PCTN, như việc nhận diện và kiểm soát xung đột lợi ích; xây dựng và tuân thủ các nguyên tắc liêm chính trong hoạt động kinh doanh; thực hiện các biện pháp và cơ chế thu hồi tài sản tham nhũng hiệu quả...

tính khả thi của Luật; có những bước đi phù hợp nhằm nâng cao mức độ tuân thủ các yêu cầu của Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng mà Việt Nam là quốc gia thành viên.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2018

Luật PCTN năm 2018, gồm có 10 chương với 96 điều, cụ thể như sau:

- **Chương I. Những quy định chung**, gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8), quy định về phạm vi điều chỉnh; các hành vi tham nhũng; giải thích từ ngữ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong PCTN; quyền và nghĩa vụ của công dân trong PCTN; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCTN; giám sát công tác PCTN; các hành vi bị cấm.

- **Chương II. Phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**, gồm 06 mục, 46 điều (từ Điều 9 đến Điều 54), cụ thể như sau:

+ **Mục 1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị**, gồm 09 điều (từ Điều 9 đến Điều 17), quy định về nguyên tắc công khai, minh bạch; nội dung công khai, minh bạch; hình thức công khai; trách nhiệm thực hiện việc công khai, minh bạch; hợp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; quyền yêu cầu cung cấp thông tin; trách nhiệm giải trình; báo cáo, công khai báo cáo về công tác PCTN; tiêu chí đánh giá về công tác PCTN.

+ **Mục 2. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**, gồm 02 điều (Điều 18 và Điều 19), quy định về xây dựng, ban hành và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

+ **Mục 3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**, gồm 04 điều (từ Điều 20 đến Điều 23), quy định về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; thẩm quyền ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; tặng quà và nhận quà tặng; kiểm soát xung đột lợi ích.

+ **Mục 4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**, gồm 03 điều (từ Điều 24 đến Điều 26), quy định về nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác; vị trí công tác và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi; kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác.

+ **Mục 5. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt**, gồm 03 điều (từ Điều 27 đến Điều 29), quy định về cải cách hành chính; ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý; thanh toán không dùng tiền mặt.

+ **Mục 6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**, gồm 06 tiểu mục, 25 điều (từ Điều 30 đến Điều 54), cụ thể như sau:

Tiểu mục 1. Thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong kiểm soát tài sản, thu nhập, gồm 03 điều (từ Điều 30 đến Điều 32),

quy định về Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập.

Tiểu mục 2. Kê khai tài sản, thu nhập, gồm 08 điều (từ Điều 33 đến Điều 40), quy định về nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập; người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập; tài sản, thu nhập phải kê khai; phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập; tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập; tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; theo dõi biến động tài sản, thu nhập.

Tiểu mục 3. Xác minh tài sản, thu nhập, gồm 11 điều (từ Điều 41 đến Điều 51), quy định về căn cứ xác minh tài sản, thu nhập; thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập; nội dung xác minh tài sản, thu nhập; trình tự xác minh tài sản, thu nhập; quyết định xác minh tài sản, thu nhập; tổ xác minh tài sản, thu nhập; quyền và nghĩa vụ của người được xác minh tài sản, thu nhập; báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập; Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực.

Tiểu mục 4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập, gồm 03 điều (từ Điều 52 đến Điều 54), quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; trách nhiệm xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

- Chương III. Phát hiện tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, gồm 03 mục, 15 Điều (từ Điều 55 đến Điều 69), cụ thể như sau:

+ **Mục 1. Công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị**, gồm 04 điều (từ Điều 55 đến Điều 58), quy định về công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước; công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân; hình thức kiểm tra.

+ **Mục 2. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán**, gồm 06 điều (từ Điều 59 đến Điều 64) quy định về phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử; phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán; thẩm quyền của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước trong thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; trách nhiệm xử lý vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán; công khai Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

+ **Mục 3. Phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng**, gồm 05 điều (từ Điều 65 đến Điều 69), quy định về phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng; báo cáo và xử lý báo cáo về hành vi

tham nhũng; bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng; khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng; trách nhiệm của người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng.

- **Chương IV. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong PCTN**, gồm 04 Điều (từ Điều 70 đến Điều 73) quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong PCTN; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác; trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách; xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

- **Chương V. Trách nhiệm của xã hội trong PCTN**, gồm 04 Điều (từ Điều 74 đến Điều 77), quy định về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo; trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề; trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- **Chương VI. PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước**, gồm 02 mục, 05 điều (từ Điều 78 đến Điều 82), cụ thể như sau:

+ **Mục 1. Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng**, gồm 02 điều (Điều 78 và Điều 79), quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh; xây dựng quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng

+ **Mục 2. Áp dụng luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước**, gồm 03 điều (từ Điều 80 đến Điều 82), quy định về áp dụng các biện pháp PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước; thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước; phát hiện tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

- **Chương VII. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong PCTN**, gồm 06 điều (từ Điều 83 đến Điều 88), quy định về đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng; trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tối cao; trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước; trách nhiệm phối hợp của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.

- **Chương VIII. Hợp tác quốc tế về PCTN**, gồm 02 Điều (Điều 89 và Điều 91), quy định về nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế; trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế; hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng.

- **Chương IX. Xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN**, gồm 02 mục, 04 điều (từ Điều 92 đến Điều 95), cụ thể như sau:

+ **Mục 1. Xử lý tham nhũng**, gồm 02 điều (Điều 92 và Điều 93), quy định về xử lý người có hành vi tham nhũng; xử lý tài sản tham nhũng;

+ **Mục 2. Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN**, gồm 02 điều (từ Điều 94 đến Điều 95), quy định về xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

- **Chương X. Điều khoản thi hành**, 01 điều (Điều 96), quy định về hiệu lực thi hành.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2018

1. Những quy định chung (Chương I)

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật PCTN năm 2018 quy định về phòng ngừa, phát hiện tham nhũng; xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN.

Như vậy so với Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 đã thay cụm từ “xử lý người có hành vi tham nhũng” bằng cụm từ “xử lý tham nhũng” nhằm mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật, bao gồm cả việc xử lý người có hành vi tham nhũng, xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN; bên cạnh đó, Chương VI của Luật quy định việc áp dụng Luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước, qua đó thể hiện tinh thần từng bước mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật PCTN năm 2018 đối với khu vực ngoài nhà nước.

1.2. Các hành vi tham nhũng (Điều 2)

So với Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN đã bổ sung quy định về các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện. Theo đó, Luật PCTN năm 2018 quy định riêng về các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện và các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện. Cụ thể như sau:

- Các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện bao gồm: (1) Tham ô tài sản; (2) Nhận hối lộ; (3) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; (4) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; (5) Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; (6) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; (7) Giả mạo trong công tác vì vụ lợi; (8) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi; (9) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi; (10) Nhũng nhiễu vì vụ lợi; (11) Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ,

công vụ vì vụ lợi; (12) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

- Các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện bao gồm: (1) Tham ô tài sản; (2) Nhận hối lộ; (3) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

1.3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong phòng, chống tham nhũng (Điều 4)

Bên cạnh quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Luật PCTN năm 2018 đã bổ sung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong PCTN. Cụ thể như sau:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: (1) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; thực hiện quy định khác của pháp luật về PCTN; (2) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; (3) Tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, tin báo về hành vi tham nhũng; (4) Kịp thời cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý tham nhũng.

- Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm sau đây: (1) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, phản ánh và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng xảy ra trong doanh nghiệp, tổ chức mình theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức; (2) Kịp thời cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng của người có chức vụ, quyền hạn và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

1.4. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tham nhũng (Điều 5)

So với Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 bổ sung quyền được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật, quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về PCTN, quyền giám sát việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với công dân. Cụ thể, công dân có quyền và nghĩa vụ trong PCTN như sau: (1) Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về PCTN và giám sát việc thực hiện pháp luật về PCTN; (2) Công dân có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong PCTN.

1.5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng (Điều 6)

So với Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 bổ sung 01 điều về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCTN, cụ thể như sau: cơ quan thông tin, truyền thông và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCTN nhằm nâng cao nhận thức cho công dân và người có chức vụ, quyền hạn; cơ sở giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm đưa nội dung giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống nhằm PCTN vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đối với học sinh trung học phổ thông, sinh viên, học viên và người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

1.6. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8)

Các hành vi bị nghiêm cấm quy định trong Luật PCTN năm 2018 gồm: (1) Các hành vi tham nhũng quy định tại Điều 2 của Luật PCTN năm 2018; (2) Đe dọa, trả thù, trù dập, tiết lộ thông tin về người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; (3) Lợi dụng việc phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng để vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác; (4) Bao che hành vi tham nhũng; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc phát hiện, xử lý tham nhũng và các hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN quy định tại Mục 2 Chương IX Luật PCTN năm 2018 về xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN.

2. Về phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Chương II)

2.1. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Mục 1)

So với Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 không quy định công khai, minh bạch trong các lĩnh vực cụ thể như: trong mua sắm công và xây dựng cơ bản, trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, về tài chính và ngân sách nhà nước... mà chỉ quy định mang tính nguyên tắc về nội dung, hình thức, trách nhiệm thực hiện công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc quy định theo hướng bao quát như vậy để tránh trùng lặp với các luật chuyên ngành. Theo đó, Luật PCTN năm 2018 tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc công khai, nội dung công khai, hình thức công khai và đặc biệt xác định rõ trách nhiệm công khai thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, chế độ họp báo, phát ngôn, quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân và gắn với việc thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi có yêu cầu; quy định cụ thể hơn về việc báo cáo, công khai báo cáo về công tác PCTN, trong đó bổ sung trách nhiệm báo cáo của Ủy ban nhân dân các cấp; bổ sung nội dung báo cáo về PCTN và quy định phải công khai báo cáo về công tác PCTN trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước hoặc phương tiện thông tin đại chúng, về tiêu chí đánh giá công tác PCTN. Cụ thể như sau:

- Về nguyên tắc công khai, minh bạch, Điều 9 Luật PCTN năm 2018 quy định việc công khai, minh bạch phải tuân thủ nguyên tắc sau: (1) Cơ quan, tổ chức,

đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật; (2) Việc công khai, minh bạch phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung công khai, minh bạch, Điều 10 Luật PCTN năm 2018 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây: (1) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân; (2) Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; (3) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; (4) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc các trường hợp nêu trên mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch nêu trên còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính.

- Về hình thức công khai, Điều 11 Luật PCTN năm 2018 quy định các hình thức công khai như sau: (1) Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (2) Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (3) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; (4) Phát hành ấn phẩm; (5) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; (6) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; (7) Tổ chức họp báo; (8) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

Trường hợp luật khác không quy định về hình thức công khai thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện một hoặc một số hình thức công khai quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 11 Luật PCTN năm 2018. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể lựa chọn thực hiện thêm hình thức công khai quy định tại điểm a, điểm h khoản 1 Điều 11 Luật PCTN năm 2018.

- Về trách nhiệm thực hiện việc công khai, minh bạch, Điều 12 Luật PCTN năm 2018 quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện công khai, minh bạch; trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về công khai, minh bạch thì phải xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật PCTN năm 2018 cũng quy định về trách nhiệm tổ chức họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 13);

quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí, công dân (Điều 14); trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân (Điều 15); báo cáo, công khai báo cáo về công tác PCTN của Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện (Điều 16); tiêu chí đánh giá về công tác PCTN (Điều 17).

2.2. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Mục 2)

Kế thừa Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 quy định mang tính nguyên tắc việc ban hành và thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ để không dẫn đến chồng chéo với quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

- Về xây dựng, ban hành và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ Điều 18, Luật PCTN năm 2018 quy định cơ quan nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: (1) Xây dựng, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ; (2) Công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; (3) Thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, đơn vị khác có sử dụng tài chính công, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật PCTN năm 2018, hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành, công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ áp dụng trong tổ chức, đơn vị mình, thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đó. Cơ quan, tổ chức, đơn vị không được ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ trái pháp luật.

- Về kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ, Điều 19 Luật PCTN năm 2018 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ và xử lý kịp thời người có hành vi vi phạm.

Người có hành vi vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải bị xử lý theo quy định tại Điều 94 của Luật PCTN năm 2018 và chịu trách nhiệm bồi thường như sau: (1) Người cho phép sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải hoàn trả phần giá trị mà mình cho phép sử dụng trái quy định và bồi thường thiệt hại; người sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ có trách nhiệm liên đới bồi thường với người cho phép sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; (2) Người tự ý sử dụng trái quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ phải hoàn trả phần giá trị mình sử dụng trái quy định và bồi thường thiệt hại.

2.3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Mục 3)

Luật PCTN năm 2018 tiếp tục quy định về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, việc tặng quà và nhận quà tặng với một số chỉnh lý so với Luật PCTN năm 2005; bổ sung quy định về kiểm soát xung đột lợi ích tại Điều 23 Luật PCTN năm 2018 nhằm loại bỏ điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra hành vi tham nhũng. Cụ thể như sau:

- Về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, Điều 20 Luật PCTN năm 2018 quy định người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội phải thực hiện quy tắc ứng xử, bao gồm các chuẩn mực xử sự là những việc phải làm hoặc không được làm phù hợp với pháp luật và đặc thù nghề nghiệp nhằm bảo đảm liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ.

Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được làm những việc sau đây: (1) Những nhiều trong giải quyết công việc; (2) Thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, trừ trường hợp luật có quy định khác; (3) Tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết; (4) Thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý trong thời hạn nhất định theo quy định của Chính phủ; (5) Sử dụng trái phép thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (6) Những việc khác mà người có chức vụ, quyền hạn không được làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Doanh nghiệp và luật khác có liên quan.

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan nhà nước không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước hoặc để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề do người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người giữ chức danh, chức vụ quản lý khác trong doanh nghiệp nhà nước không được ký kết hợp đồng với doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột; cho phép doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột tham dự các gói thầu của doanh nghiệp mình; bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột giữ chức vụ

quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong doanh nghiệp hoặc giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho doanh nghiệp.

- Về thẩm quyền ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, Điều 21 Luật PCTN năm 2018 quy định thẩm quyền ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau: (1) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, ngành, lĩnh vực do mình quản lý; (2) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong ngành do mình quản lý; (3) Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong bộ máy chính quyền địa phương; (4) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong tổ chức mình.

- Về tặng quà và nhận quà tặng, Điều 22 Luật PCTN năm 2018 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong trường hợp cần thiết khác theo quy định của pháp luật. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được trực tiếp hoặc gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Xung đột lợi ích là tình huống phát sinh trong hoạt động công vụ khi việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức bị tác động hoặc sẽ bị tác động bởi lợi ích cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức đó. Xuất phát từ tầm quan trọng của việc kiểm soát xung đột lợi ích trong phòng ngừa tham nhũng (loại bỏ điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra hành vi tham nhũng). Điều 23 Luật PCTN năm 2018 quy định về kiểm soát xung đột lợi ích như sau: (1) Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nếu biết hoặc buộc phải biết nhiệm vụ, công vụ được giao có xung đột lợi ích thì phải báo cáo người có thẩm quyền để xem xét, xử lý; (2) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn thì phải thông tin, báo cáo cho người trực tiếp quản lý, sử dụng người đó để xem xét, xử lý; (3) Người trực tiếp quản lý, sử dụng người có chức vụ, quyền hạn khi phát hiện có xung đột lợi ích và nếu thấy việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ không bảo đảm tính đúng đắn, khách quan, trung thực thì phải xem xét, áp dụng một trong các biện pháp sau đây: a) Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; b) Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; c) Tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác.

2.4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Mục 4)

So với Luật PCTN năm 2005 quy định nội dung này tại 01 điều, Luật PCTN năm 2018 đã cơ cấu thành 01 mục riêng, quy định về nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác, vị trí công tác và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi, kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác. Cụ thể như sau:

- Về nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác, Điều 24 Luật PCTN năm 2018 quy định việc chuyển đổi vị trí công tác phải tuân thủ những nguyên tắc sau: (1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ; (2) Việc chuyển đổi vị trí công tác phải bảo đảm khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị; (3) Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; (4) Không được lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vì vụ lợi hoặc để trừ dập cán bộ, công chức, viên chức; (5) Quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 24 Luật PCTN năm 2018 cũng được áp dụng đối với những người sau đây mà không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; b) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

- Về vị trí công tác và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi, Điều 25 Luật PCTN năm 2018 quy định người có chức vụ, quyền hạn làm việc tại một số vị trí liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác phải được chuyển đổi vị trí công tác. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ có một vị trí phải định kỳ chuyển đổi công tác mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù so với vị trí khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thì việc chuyển đổi vị trí công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng người có chức vụ, quyền hạn đề nghị với cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết vị trí công tác phải chuyển đổi và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quy định chi tiết vị trí công tác phải chuyển đổi và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

Định kỳ hằng năm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ,

quyền hạn theo thẩm quyền quản lý cán bộ. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện. (Điều 26)

2.5. Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt (Mục 5)

So với Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 quy định chi tiết hơn các nội dung về cải cách hành chính; ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó, quy định thanh toán không dùng tiền mặt là một trong những biện pháp hiệu quả để kiểm soát thu nhập, chi tiêu, góp phần tích cực phòng ngừa tham nhũng. Cụ thể như sau:

- Về cải cách hành chính, Điều 27 Luật PCTN năm 2018 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm công khai, hướng dẫn thủ tục hành chính, đơn giản hóa và cắt giảm thủ tục trực tiếp tiếp xúc với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi giải quyết công việc; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quy định về vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và thực hiện nhiệm vụ khác về cải cách hành chính.

- Về ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, Điều 28 Luật PCTN năm 2018 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tăng cường đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực, đẩy mạnh sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; các Bộ, ngành có trách nhiệm đẩy mạnh xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu quốc gia phục vụ cho việc quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

- Về thanh toán không dùng tiền mặt, Điều 29 Luật PCTN năm 2018 quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu, chi sau đây: (1) Các khoản thu, chi có giá trị lớn tại địa bàn đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Chính phủ; (2) Các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên. Chính phủ áp dụng biện pháp tài chính, công nghệ để giảm việc sử dụng tiền mặt trong các giao dịch. Đây là một trong những biện pháp hiệu quả để kiểm soát thu nhập, chi tiêu trong xã hội nói chung và của người có chức vụ, quyền hạn nói riêng, góp phần tích cực phòng ngừa tham nhũng.

2.6. Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Mục 6)

Đây là nội dung mới so với Luật PCTN năm 2005 nhằm hướng tới việc kiểm soát được tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Luật PCTN năm 2018 quy định về Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng tăng cường một bước tính tập trung và phù hợp với thực tiễn tổ chức bộ máy nhà nước ta hiện nay; mở rộng đối tượng có nghĩa vụ

kê khai đến tất cả cán bộ, công chức và một số nhóm giữ chức vụ, chức danh quản lý để từng bước quản lý chặt chẽ về dữ liệu tài sản, thu nhập, qua đó theo dõi, xác minh tài sản, thu nhập phục vụ cho công tác PCTN; đồng thời, đổi mới căn bản phương thức kê khai để giảm bớt số đối tượng phải kê khai hằng năm và khắc phục tính hình thức trong thực hiện. Luật cũng đã bổ sung căn cứ xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được lựa chọn ngẫu nhiên; quy định cụ thể về thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập; nội dung xác minh tài sản, thu nhập; trình tự xác minh tài sản, thu nhập và xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực. Cụ thể như sau:

2.6.1. Về cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong kiểm soát tài sản, thu nhập (Tiểu mục 1)

- Về Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Điều 30 Luật PCTN năm 2018 quy định như sau: (1) Thanh tra Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, doanh nghiệp nhà nước; người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (sau đây gọi là người có nghĩa vụ kê khai) thuộc thẩm quyền quản lý của mình; (2) Thanh tra tỉnh kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật PCTN năm 2005; (3) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật PCTN năm 2005; (4) Cơ quan giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác đại biểu kiểm soát tài sản, thu nhập của đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và người có nghĩa vụ kê khai khác thuộc thẩm quyền quản lý cán bộ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (5) Văn phòng Quốc hội kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 30 Luật PCTN năm 2005; (6) Văn phòng Chủ tịch nước kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại Văn phòng Chủ tịch nước; (7) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước; (8) Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác trong hệ thống cơ quan, tổ chức đó.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại Điều 31 Luật PCTN năm 2018.

- Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập, Điều 32 Luật PCTN năm 2018 quy định Kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan công an, quản lý thuế, hải quan, quản lý về đất đai, đăng ký tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: (1) Cung cấp thông tin liên quan đến nội dung xác minh về tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin đã cung cấp; trường hợp không cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; (2) Áp dụng biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để làm rõ thông tin liên quan đến nội dung xác minh tài sản, thu nhập hoặc để ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại, chuyển dịch tài sản, thu nhập hoặc hành vi khác cản trở hoạt động xác minh tài sản, thu nhập; (3) Tiến hành định giá, thẩm định giá, giám định tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật.

2.6.2. Kế khai tài sản, thu nhập (Tiểu mục 2)

- Về nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập, Điều 33 Luật PCTN năm 2018 quy định người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật PCTN năm 2018; người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật PCTN năm 2018 và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

- Về người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập, Điều 34 Luật PCTN năm 2018 quy định cán bộ, công chức; sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập.

- Về phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập, Điều 36 Luật PCTN năm 2018 quy định về kê khai lần đầu, kê khai bổ sung, kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ. So với Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 bổ sung phương thức kê khai lần đầu, kê khai bổ sung và kê khai phục vụ công tác cán bộ.

- Về công khai bản kê khai tài sản, thu nhập, Điều 39 Luật PCTN năm 2018 quy định bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc; bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm; bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử; bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi bầu, phê

chuẩn; bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Luật PCTN năm 2018 quy định về tài sản, thu nhập phải kê khai (Điều 35); tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập (Điều 37); tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập (Điều 38); theo dõi biến động tài sản, thu nhập (Điều 40).

2.6.3. Xác minh tài sản, thu nhập (Tiểu mục 3)

- Về căn cứ xác minh tài sản, thu nhập, để đảm bảo cho việc kê khai được chính xác, trung thực nhằm kiểm soát có hiệu quả hơn tài sản, thu nhập của người kê khai, khoản 1 Điều 41 Luật PCTN năm 2018 quy định Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập xác minh tài sản, thu nhập khi có một trong các căn cứ sau đây: (1) Có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; (2) Có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc; (3) Có tố cáo về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo; (4) Thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên; (5) Có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật PCTN năm 2018.

- Về nội dung xác minh tài sản, thu nhập, Điều 43 Luật PCTN năm 2018 quy định bao gồm: tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai; tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

- Về quyền và nghĩa vụ của người được xác minh tài sản, thu nhập, Điều 47 Luật PCTN năm 2018 quy định bao gồm: (1) Giải trình về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; (2) Cung cấp thông tin liên quan đến nội dung xác minh khi có yêu cầu của Tổ xác minh tài sản, thu nhập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã cung cấp; (3) Thực hiện đầy đủ, kịp thời yêu cầu của Tổ xác minh tài sản, thu nhập, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập; (4) Chấp hành quyết định xử lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về kiểm soát tài sản, thu nhập; (5) Khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong xác minh tài sản, thu nhập khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình; (6) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong xác minh tài sản, thu nhập; (7) Được phục hồi danh dự, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của người xác minh tài sản, thu nhập gây ra theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực, Điều 51 Luật PCTN năm 2018 quy định như sau: (1) Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì bị xóa tên khỏi danh sách những người ứng cử; (2) Người được dự kiến bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử giữ chức vụ mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử vào chức vụ đã dự kiến; (3) Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Luật PCTN năm 2018 mà kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm; nếu được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thì còn bị đưa ra khỏi danh sách quy hoạch; trường hợp xin thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm thì có thể xem xét không kỷ luật; (4) Quyết định kỷ luật được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người bị xử lý kỷ luật làm việc.

Luật PCTN năm 2018 quy định về thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập (Điều 42); trình tự xác minh tài sản, thu nhập (Điều 44); quyết định xác minh tài sản, thu nhập (Điều 45); Tổ xác minh tài sản, thu nhập (Điều 46); Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập (Điều 48); Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (Điều 49); Công khai Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (Điều 50).

2.6.4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập (Tiểu mục 4)

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập bao gồm thông tin về bản kê khai, Kết luận xác minh tài sản, thu nhập và các dữ liệu khác có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật PCTN năm 2018. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập được xây dựng và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ. (Điều 52)

- Về trách nhiệm xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập, Điều 53 Luật PCTN năm 2018 quy định như sau: (1) Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước; hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp; cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo việc quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước; (2) Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác có trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình; tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập do

cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai cung cấp trong phạm vi quản lý của mình; cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của mình; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo việc quản lý cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền.

Luật PCTN năm 2018 quy định về bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập (Điều 54) và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

3. Phát hiện tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Chương III)

Kế thừa quy định của Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 tiếp tục quy định về công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước; công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị; bổ sung quy định kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân; quy định thẩm quyền của cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước trong thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; xử lý vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán; xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Cụ thể như sau:

3.1. Công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Mục 1)

- Về công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước, Điều 55 Luật PCTN năm 2018 quy định người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Điều 56 Luật PCTN năm 2018 quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý mà thường xuyên, trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng; thường xuyên đôn đốc đơn vị trực thuộc kiểm tra người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về công tác kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Điều 57 Luật PCTN năm 2018 quy định người đứng đầu Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân phải tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người có chức vụ, quyền hạn khác; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi lạm quyền, nhũng nhiễu và các hành vi khác vi phạm pháp luật trong

hoạt động chống tham nhũng. Cán bộ, công chức, viên chức và người có chức vụ, quyền hạn khác của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

- Về hình thức kiểm tra, Điều 58 Luật PCTN năm 2018 quy định kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng; kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

3.2. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán (Mục 2)

So với quy định của Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 bổ sung trách nhiệm của Cơ quan thanh tra, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước khi nhận được đề nghị xử lý tham nhũng từ cơ quan dân cử, đại biểu dân cử; bổ sung thẩm quyền của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước trong thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; trách nhiệm xử lý vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán; công khai Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Cụ thể như sau:

- Về phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử, Điều 59 Luật PCTN năm 2018 quy định Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thông qua hoạt động giám sát nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì đề nghị Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân xử lý theo quy định của pháp luật. Khi nhận được đề nghị, Cơ quan thanh tra, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phải xác minh, xử lý và thông báo kết quả cho cơ quan, đại biểu đã đề nghị; Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán hoặc xem xét, quyết định việc kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và thông báo kết quả cho cơ quan, đại biểu đã đề nghị.

- Về phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, Điều 60 Luật PCTN năm 2018 quy định Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, Thanh tra tỉnh, Kiểm toán nhà nước ra quyết định thanh tra, kiểm toán vụ việc

có dấu hiệu tham nhũng khi có căn cứ theo quy định của Luật Thanh tra, Luật Kiểm toán nhà nước.

- Về thẩm quyền của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước trong thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, Điều 61 Luật PCTN quy định như sau: (1) Cơ quan thanh tra, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo thẩm quyền như sau: a) Thanh tra Chính phủ thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan ở trung ương thực hiện; người công tác tại Thanh tra Chính phủ thực hiện; b) Thanh tra Bộ thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này; c) Thanh tra tỉnh thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương thực hiện, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 61 Luật PCTN năm 2018; (2) Các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng tại các cơ quan, tổ chức có quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo phân công của Tổng Kiểm toán nhà nước; (3) Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về kiểm toán nhà nước; (4) Tổng Thanh tra Chính phủ, Tổng Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm phối hợp xử lý trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.

- Về trách nhiệm xử lý vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, Điều 62 quy định trong quá trình thanh tra, kiểm toán nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán phải chỉ đạo xác minh, làm rõ vụ việc tham nhũng và xử lý như sau: (1) Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc và kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét, khởi tố vụ án hình sự, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cung cấp. Trong trường hợp này, Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước tiếp tục tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm toán về các nội dung khác theo kế hoạch tiến hành thanh tra, kế hoạch kiểm toán đã phê duyệt và ban hành Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về kiểm toán nhà nước; (2) Trường hợp vụ việc không có dấu hiệu tội phạm thì kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý phải thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý cho Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước đã kiến nghị.

- Về xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán, Điều 64 Luật PCTN quy định như sau: (1) Trường hợp sau khi kết thúc thanh tra, kiểm toán mà cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện có vụ việc tham nhũng xảy ra tại cơ

quan, tổ chức, đơn vị đã tiến hành thanh tra, kiểm toán về cùng một nội dung thì Trưởng đoàn thanh tra, Trưởng đoàn kiểm toán, thành viên đoàn thanh tra, thành viên đoàn kiểm toán và cá nhân có liên quan đã tiến hành thanh tra, kiểm toán trước đó nếu có lỗi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; (2) Trường hợp đoàn thanh tra, đoàn kiểm toán nếu đã phát hiện, báo cáo về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng nhưng người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán không xử lý thì Trưởng đoàn thanh tra, Trưởng đoàn kiểm toán, thành viên đoàn thanh tra, thành viên đoàn kiểm toán và cá nhân có liên quan không phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp này, người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3.3. Phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng (Mục 3)

So với Luật PCTN năm 2005, Luật PCTN năm 2018 đã mở rộng các hình thức tiếp nhận thông tin về tham nhũng, bao gồm: phản ánh, tố cáo, báo cáo. Qua đó giúp các cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, thu thập các thông tin về tham nhũng nhằm phát hiện và xử lý nhanh chóng, kịp thời; khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin liên quan đến hành vi có dấu hiệu tham nhũng. Cụ thể như sau:

- Về phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng, Điều 65 Luật PCTN năm 2018 quy định cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh về hành vi tham nhũng, cá nhân có quyền tố cáo về hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền khi nhận được phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng phải xem xét, xử lý kịp thời và áp dụng các biện pháp bảo vệ người phản ánh, tố cáo; việc tiếp nhận, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh về hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp công dân.

- Về báo cáo và xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng, Điều 66 Luật PCTN năm 2018 quy định cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang khi phát hiện hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình công tác thì phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến hành vi tham nhũng thì phải báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo về hành vi tham nhũng, người được báo cáo phải xử lý vụ việc theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý và thông báo cho người báo cáo biết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày; trường hợp cần thiết thì người được báo cáo quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng và bảo vệ người báo cáo.

- Về bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo, Điều 67 Luật PCTN năm 2018 quy định việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo

quy định của pháp luật về tố cáo; người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố cáo.

- Về khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo, Điều 68 Luật PCTN năm 2018 quy định người có thành tích trong việc phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm của người phản ánh, tố cáo, báo cáo, Điều 69 Luật PCTN năm 2018 quy định người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của nội dung phản ánh, báo cáo; người tố cáo hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm về việc tố cáo của mình theo quy định của Luật Tố cáo.

4. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng (Chương IV)

Chỉ thị số 50-CT-TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng nêu rõ: “Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, cơ quan, đơn vị phải gương mẫu thực hiện và có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng; chủ động tự phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng trong tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng là thước đo đánh giá phẩm chất, năng lực, trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu. Xử lý kịp thời, nghiêm minh người đứng đầu để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình trực tiếp lãnh đạo, quản lý nhưng không chủ động phát hiện, xử lý, nhất là đối với trường hợp bao che, ngăn cản việc phát hiện, xử lý tham nhũng”. Nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, Luật PCTN năm 2018 đã quy định nội dung này thành một chương riêng và sửa đổi, bổ sung so với Luật PCTN năm 2005. Việc chi rõ và cụ thể hóa “người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị” để thuận lợi cho việc áp dụng và cá thể hóa trách nhiệm trong PCTN. Trong đó, Luật PCTN năm 2018 bổ sung quy định người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được xem xét miễn hoặc giảm hình thức kỷ luật nếu chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhằm đề cao trách nhiệm chính trị của cá nhân người đứng đầu, giúp hình thành “văn hóa từ chức” khi để xảy ra vi phạm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bổ sung trường hợp bị tăng nặng trách nhiệm pháp lý để hoàn thiện chế tài xử lý người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng. Cụ thể như sau:

- Về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong PCTN, Điều 70 Luật PCTN năm 2018 quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PCTN năm 2018; gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về PCTN, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh; chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham

những trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 Luật PCTN năm 2018.

- Về trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, Điều 72 Luật PCTN năm 2018 quy định người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ; cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình được giao trực tiếp phụ trách; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới.

- Về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, Điều 73 Luật PCTN năm 2018 quy định như sau: (1) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng quy định tại Điều 72 Luật PCTN năm 2018 thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; (2) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm liên đới khi để xảy ra tham nhũng quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật PCTN năm 2018 thì bị xử lý kỷ luật; (3) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được xem xét loại trừ, miễn, giảm hoặc bị tăng trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp sau đây: a) Được xem xét loại trừ trách nhiệm trong trường hợp không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng; b) Được xem xét miễn hoặc giảm trách nhiệm trong trường hợp đã áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc đã chủ động, kịp thời phát hiện, báo cáo và xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật; c) Được xem xét miễn hoặc giảm hình thức kỷ luật nếu chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự; d) Bị xem xét tăng trách nhiệm trong trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng mà không áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc không kịp thời báo cáo, xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật; (4) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội để xảy ra tham nhũng trong tổ chức mình ngoài việc bị xử lý theo quy định của Điều này còn bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.

Luật PCTN năm 2018 quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác (Điều 71).

Về trách nhiệm của xã hội trong PCTN, Luật PCTN năm 2018 tiếp tục kế thừa Luật PCTN năm 2005 để quy định nội dung này tại Chương V, gồm trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; của cơ quan báo chí, nhà báo; của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề; của công dân, Ban thanh tra nhân dân và bổ sung trách nhiệm của

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc giám sát việc thực hiện pháp luật về PCTN.

5. Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước (Chương VI)

So với Luật PCTN năm 2005, đây là chương mới, nội dung mới của Luật PCTN năm 2018, thể hiện sự nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong PCTN. Luật quy định trách nhiệm của tất cả doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nói chung trong việc xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng; quy định việc áp dụng Luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước. Cụ thể như sau:

5.1. Về xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng

Quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh là chuẩn mực ứng xử phù hợp với đặc thù chuyên môn, nghề nghiệp của người hành nghề, người hoạt động kinh doanh nhằm bảo đảm liêm chính trong hành nghề, kinh doanh. Luật khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, căn cứ vào quy định của Luật PCTN năm 2018 và luật khác có liên quan, ban hành quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với người lao động, thành viên, hội viên của mình. (Điều 78)

Về xây dựng quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng, Điều 79 Luật PCTN năm 2018 quy định doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác ban hành, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích, ngăn chặn hành vi tham nhũng và xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng; hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm tổ chức, động viên, khuyến khích thành viên, hội viên xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng và giám sát việc chấp hành pháp luật về PCTN của thành viên, hội viên, tích cực tham gia vào việc hoàn thiện chính sách, pháp luật.

5.2. Áp dụng Luật Phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

- Về áp dụng các biện pháp PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước, để thực hiện chủ trương “từng bước mở rộng hoạt động PCTN ra khu vực ngoài nhà nước” theo Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí, Điều 80 Luật PCTN năm 2018 nêu rõ phải áp dụng các quy định sau đây đối với công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và đối với tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện: (1) Nguyên tắc công khai, minh bạch, nội dung công khai, minh bạch, hình thức công khai, trách nhiệm thực hiện việc công khai, minh bạch quy

định tại Điều 9, các điểm a, c và d khoản 1 Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Luật PCTN năm 2018; (2) Kiểm soát xung đột lợi ích quy định tại Điều 23 Luật PCTN năm 2018; (3) Trách nhiệm, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu quy định tại Điều 72, các điểm a, b và d khoản 3 Điều 73 Luật PCTN năm 2018.

- Về thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước, Điều 81 Luật PCTN năm 2018 quy định Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, Thanh tra tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN đối với công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, đối với tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện khi có dấu hiệu rõ ràng về việc vi phạm quy định tại Điều 80 Luật PCTN năm 2018.

- Về phát hiện tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước, Điều 82 Luật PCTN năm 2018 quy định như sau: (1) Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm tự kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức mình; (2) Cơ quan thanh tra khi tiến hành hoạt động thanh tra nếu phát hiện hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; (3) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi phát hiện hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm phản ánh, tố cáo, báo cáo theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật PCTN năm 2018.

6. Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng

Luật PCTN năm 2018 kế thừa quy định của Luật PCTN năm 2005; đồng thời bổ sung nội dung Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác PCTN trong phạm vi cả nước, Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Chính phủ quản lý nhà nước về công tác PCTN; bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; quy định chi tiết, cụ thể hơn về trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể như sau:

- Về đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng, Điều 83 Luật PCTN năm 2018 quy định trong Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng.

- Về trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Điều 84 Luật PCTN năm 2018 quy định: (1) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác PCTN trong phạm vi cả nước; (2) Thanh tra Chính phủ là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác PCTN và có trách nhiệm sau đây: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về PCTN; b) Quản lý việc thực

hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo thẩm quyền; c) Thanh tra, kiểm tra công tác PCTN theo thẩm quyền; tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN; d) Quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; đ) Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN; e) Xây dựng báo cáo hằng năm về công tác PCTN; (3) Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức hoạt động điều tra tội phạm tham nhũng; (4) Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Chính phủ quản lý nhà nước về công tác PCTN.

- Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Điều 85 Luật PCTN năm 2018 quy định gồm: (1) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật về PCTN; (2) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; (3) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác PCTN; (4) Tổ chức công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về PCTN; (5) Hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác PCTN.

- Về trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Điều 86 Luật PCTN năm 2018 quy định như sau: (1) Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với tội phạm tham nhũng; điều tra tội phạm tham nhũng trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp; (2) Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án tham nhũng thuộc thẩm quyền, giám đốc việc xét xử các vụ án tham nhũng của các tòa án khác, tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các vụ án tham nhũng.

- Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện tham nhũng, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo quy định của pháp luật. (Điều 87)

- Về trách nhiệm phối hợp của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, Điều 88 Luật PCTN năm 2018 quy định như sau: (1) Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: a) Phối hợp với nhau và phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng; b) Phối hợp trong việc tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng; kiến nghị chính sách, pháp luật, giải pháp PCTN; (2) Cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tạo điều kiện, phối hợp với Cơ quan

thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng.

7. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng (Chương VIII)

Nội dung này cơ bản kế thừa quy định của Luật PCTN năm 2005, bổ sung thêm quy định về hợp tác thu hồi tài sản tham nhũng nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng và nâng cao mức độ tuân thủ Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Cụ thể như sau:

- Về nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế, Điều 89 Luật PCTN năm 2018 quy định Nhà nước cam kết thực hiện các điều ước quốc tế về PCTN mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hợp tác với các nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong hoạt động PCTN trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi.

- Về trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế, Điều 90 Luật PCTN năm 2018 quy định Thanh tra Chính phủ phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và cơ quan khác thực hiện hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đào tạo, xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, trợ giúp kỹ thuật, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong PCTN; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong PCTN.

- Về hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng, Điều 91 Luật PCTN năm 2018 quy định như sau: (1) Trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, tịch thu hoặc thu hồi tài sản tham nhũng và trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp; (2) Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan trung ương về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản tham nhũng trong tố tụng hình sự; tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự của nước ngoài về thu hồi tài sản tham nhũng và đề nghị nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản tham nhũng của Việt Nam; (3) Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và cơ quan nhà nước có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng.

8. Xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng (Chương IX)

So với Luật PCTN năm 2005 chỉ dành 01 điều quy định về nguyên tắc xử lý tham nhũng, Luật PCTN năm 2018 đã dành 01 chương để quy định nội dung này, thể hiện sự nghiêm minh trong xử lý tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật về PCTN nhằm tăng cường hiệu quả thực thi Luật PCTN và hiệu quả của công tác PCTN, trong đó nhấn mạnh nguyên tắc: người có hành vi tham nhũng giữ bất kì chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác và quy định người có

hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì bị xem xét tăng hình thức kỷ luật. Trong đó, Luật PCTN năm 2018 quy định riêng đối với việc xử lý tham nhũng và xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN. Cụ thể như sau:

8.1. Xử lý tham nhũng

- Về xử lý người có hành vi tham nhũng, Điều 92 Luật PCTN năm 2018 quy định: (1) Người có hành vi tham nhũng giữ bất kỳ chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyên công tác; (2) Người có hành vi tham nhũng quy định tại Điều 2 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; (3) Trường hợp người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì bị xem xét tăng hình thức kỷ luật; (4) Người có hành vi tham nhũng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại, tự giác nộp lại tài sản tham nhũng, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng thì được xem xét giảm hình thức kỷ luật, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; (5) Người bị kết án về tội phạm tham nhũng là cán bộ, công chức, viên chức mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên bị buộc thôi việc đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Về xử lý tài sản tham nhũng, Điều 93 Luật PCTN năm 2018 quy định: tài sản tham nhũng phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu theo quy định của pháp luật; thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra phải được khắc phục; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

8.2. Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng

- Về xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, Điều 94 Luật PCTN năm 2018 quy định như sau: (1) Hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN là những hành vi không thuộc trường hợp quy định tại Điều 2 Luật PCTN năm 2018, bao gồm: a) Vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; b) Vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; c) Vi phạm quy định về quy tắc ứng xử; d) Vi phạm quy định về xung đột lợi ích; đ) Vi phạm quy định về chuyên đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn; e) Vi phạm quy định về nghĩa vụ báo cáo về hành vi tham nhũng và xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng; g) Vi phạm quy định về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm; h) Vi phạm quy định về thời hạn kê khai tài sản, thu nhập hoặc vi phạm quy định khác về kiểm soát tài sản, thu nhập; (2) Người có hành vi quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 94 Luật PCTN năm 2018 thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại

thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Người có hành vi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 94 Luật PCTN năm 2018 thì bị xử lý theo quy định tại Điều 51 Luật PCTN năm 2018; (3) Người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật nếu là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì bị xem xét áp dụng tăng hình thức kỷ luật. Người có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật nếu là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội thì còn bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của tổ chức đó.

- Về xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước, Điều 95 Luật PCTN năm 2018 quy định doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước là công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện vi phạm quy định tại Điều 80 Luật PCTN năm 2018 thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý như sau: (1) Doanh nghiệp, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; (2) Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức bị xử lý theo điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức đó. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện các biện pháp xử lý đối với người giữ chức danh, chức vụ quản lý thì bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra công bố công khai về tên, địa chỉ và hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Luật PCTN năm 2018 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019. Luật PCTN năm 2005 hết hiệu lực kể từ ngày Luật PCTN năm 2018 có hiệu lực thi hành (Điều 96)/.

THANH TRA TỈNH BẮC GIANG